

SO SÁNH ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA TỪ LÁY TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG THÁI

Phùng Thị Hương Giang*

Từ láy trong tiếng Việt và tiếng Thái là lớp từ có phương thức cấu tạo rất đặc biệt mà trong đó các thành tố gốc được kết hợp với nhau chủ yếu dựa theo quan hệ ngữ âm. Đây là lớp từ có số lượng lớn và được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày trong cả hai ngôn ngữ. Nội dung bài viết này tập trung nghiên cứu, khảo sát các phương thức cấu tạo từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái, đồng thời đối chiếu so sánh ngữ nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái. Từ đó chỉ ra được những nét tương đồng và khác biệt trên phương diện phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa của từ láy tiếng Việt và từ láy tiếng Thái.

Từ khóa: từ láy, từ láy đôi, tiếng Thái Lan, tiếng Việt.

Reduplicated words in Vietnamese and Thai are the class of words with special formation in which original elements are combined together based on phonetic relationships. This is a large-scale word class which is commonly used in daily life in both languages. This article focuses on examining and studying the formation of double reduplicated words in Vietnamese and Thai as well as comparing and contrasting their semantic meanings. It, thereby, points out the similarities and differences in terms of formation and semantic meaning between Vietnamese and Thai reduplicated words.

Key words: reduplicated words, double reduplicated words, Thai language, Vietnamese language.

I. Đặt vấn đề

Đối với việc nghiên cứu học tập một ngoại ngữ thì so sánh đối chiếu nhằm tìm ra điểm tương đồng và khác biệt giữa ngoại ngữ đó với ngôn ngữ mẹ đẻ luôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng, mang tính cấp thiết đối với người nghiên cứu hay người học ngoại ngữ, bởi việc phát hiện ra những nét tương đồng và khác biệt giữa 2 ngôn ngữ sẽ giúp cho người nghiên cứu hay người học có cái nhìn tổng quát, toàn diện hơn về ngôn ngữ mà mình tìm hiểu, từ đó rút ra được những phương pháp học và cách sử dụng ngoại ngữ một cách chính xác, hiệu quả.

Ngày nay, trong bối cảnh quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Thái Lan đang có những bước tiến phát triển mạnh mẽ trong nhiều mặt cả về chính trị kinh tế-văn hóa-khoa học kỹ thuật khiến cho việc nghiên cứu học tập tiếng Việt và tiếng Thái đang ngày càng trở thành xu thế được nhiều người quan tâm. Chính vì vậy việc phát hiện và tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt giữa tiếng Việt và tiếng Thái không chỉ góp phần thúc đẩy sự nghiên cứu so sánh - đối chiếu ngôn ngữ trong xu thế phát triển của ngôn ngữ học hiện đại mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giúp ích cho người Việt Nam đang theo học tiếng Thái và người Thái đang theo học tiếng Việt.

* ThS., TT Ngôn ngữ và Văn hóa Thái Lan, Trường Đại học Hà Nội

Mục đích của bài viết này là tác giả muốn chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt của lớp từ láy trong tiếng Việt và trong tiếng Thái. Tại sao tác giả bài viết lại chọn lớp từ láy trong tiếng Việt và tiếng Thái làm đối tượng để đem ra so sánh đối chiếu? Vì theo quan điểm cá nhân tác giả thì đây là lớp từ trong cả hai ngôn ngữ đều có nét đặc trưng về phương diện ngữ nghĩa, chiếm số lượng lớn và được sử dụng phổ biến trong đời sống hàng ngày. Mặt khác khi xét phương thức cấu tạo, bên cạnh những nét khác biệt do đặc trưng của từng ngôn ngữ thì từ láy trong tiếng Việt và tiếng Thái lại có những điểm tương đồng rất đặc biệt.

Từ trước đến nay, các công trình nghiên cứu so sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Thái tại Việt Nam và Thái Lan còn rất hạn chế và thực tế chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào việc so sánh đối chiếu giữa từ láy trong tiếng Việt và từ láy trong tiếng Thái, duy chỉ có luận án tiến sĩ của tác giả Wassana Namphonng với đề tài nghiên cứu “So sánh đối chiếu ngữ pháp tiếng Thái Lan và tiếng Việt” và luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Kim Châu với đề tài nghiên cứu “Phân tích đối chiếu về cấu tạo từ trong tiếng Việt và tiếng Thái” là có đề cập đến lớp từ láy trong hai ngôn ngữ. Hai đề tài nghiên cứu nêu trên đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc so sánh đối chiếu ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Thái nói chung, cũng như so sánh đối chiếu từ láy tiếng Việt và từ láy tiếng Thái nói riêng, bởi kết quả nghiên cứu của hai tác giả bước đầu đã giới thiệu cho

người đọc những kiến thức sơ lược về lớp từ láy trong cả tiếng Việt và tiếng Thái. Đặc biệt trong đề tài nghiên cứu “Phân tích đối chiếu về cấu tạo từ trong tiếng Việt và tiếng Thái”, tác giả Nguyễn Thị Kim Châu đã nêu ra được điểm tương đồng về vai trò, chức năng từ loại trong câu của từ láy trong tiếng Việt và tiếng Thái. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi thì nội dung của cả hai đề tài nghiên cứu trên vẫn chưa chỉ ra được những nét tương đồng và khác biệt đặc trưng về phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa của lớp từ này. Chính vì vậy, chúng tôi hy vọng có thể chỉ ra được những điểm tương đồng và khác biệt của lớp từ láy trong tiếng Việt và tiếng Thái ở bài viết này.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chủ yếu tập trung đối chiếu so sánh về phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa của từ láy đôi, bởi đây là kiểu từ láy điển hình trong cả tiếng Việt và tiếng Thái.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Đặc điểm và cách phân loại phương thức cấu tạo của từ láy đôi trong tiếng Thái theo các hướng nghiên cứu khác nhau

Từ láy đôi trong tiếng Thái gọi là “คำซ้ำ” [kham¹: sam⁴]⁽¹⁾ được định

(1) Tiếng Thái có 5 thanh điệu bao gồm: thanh 1[sā⁵: mān¹] = mid tone, tương ứng thanh ngang trong tiếng Việt; thanh 2 [e:k²] = low tone, tương ứng với thanh nặng và thanh huyền trong tiếng Việt; thanh 3 [tho¹] = falling tone, thanh 4 [tri:¹] = high tone, tương ứng với thanh sắc trong tiếng Việt, thanh 5 [chat² - ta¹ - wa:¹] = rising tone.

nghĩa và phân loại theo nhiều quan điểm nghiên cứu khác nhau, trong đó có hai hướng nghiên cứu phân loại chính đó là:

1.1 Theo quan điểm nghiên cứu được ghi lại trong các sách truyền thống viết về ngữ pháp tiếng Thái Lan hay quy chuẩn tiếng Thái Lan thì từ láy đôi được định nghĩa là lớp từ được tạo nên bằng cách lặp lại hai lần một đơn vị từ vựng⁽²⁾, hay nói cách khác từ láy đôi trong tiếng Thái là từ có phương thức cấu tạo bởi hai thành tố gốc hoàn toàn giống nhau về tất cả các yếu tố phụ âm đầu, nguyên âm, phụ âm cuối, thanh điệu⁽³⁾.

Ví dụ:

เด็ก ๆ [dek²:dek²] = trẻ con (những đứa trẻ)

สวย ๆ [sua⁵:sua⁵] = xinh đẹp

รวย ๆ [ruai¹:ruai¹] = giàu có

นอน ๆ [non¹:non¹] = ngủ

นั่ง ๆ [nang³:nang³] = ngồi

Hình thức viết từ láy trong tiếng Thái, bắt buộc phải sử dụng dấu ไม้ยมก [mai⁴ ya¹:mok⁴], ký hiệu là “๑” đi kèm, các trường hợp không có dấu “๑” đi kèm đều không được xếp vào lớp từ láy⁽⁴⁾ mặc dù chúng có cùng chung vỏ cấu tạo.

⁽²⁾ ศาสตราจารย์ดร. คุณบรรจบ พันนธเมธา, 2545, ลักษณะภาษาไทย, คำซ้ำ หน้า 76

⁽³⁾ บรรทัดฐานภาษาไทย, 2549, คำ การสร้างคำ และการยืมคำ, คำซ้ำ หน้า 67

⁽⁴⁾ มหาวิทยาลัยรามคำแหง, 2546, ลักษณะและการใช้ภาษาไทย, คำซ้ำ หน้า 76

Ví dụ:

1. เขาใส่เสื้อสีดำ ๆ

[kha⁵ sai² suea³ si⁵ dam¹ dam¹]

Anh ta mặc áo màu đen đen

→ ดำ ๆ [dam¹:dam¹] là từ láy

2. เขาใส่เสื้อสีดำดำนานา

[kha⁵ sai² suea³ si⁵ dam¹ dam¹ naa¹]

Anh ta mặc áo màu đen cây lúa

→ ดำดำ không được coi là từ láy mà là hai từ hoàn toàn khác nhau trong đó:

ดำ₁ [dam¹] = đen (tính từ)

ดำ₂ [dam¹] = cây lúa (động từ)

Tuy nhiên, theo quan điểm nghiên cứu này, ngoài phần lớn các trường hợp từ láy đôi trong tiếng Thái có phương thức cấu tạo bởi 2 thành tố gốc hoàn toàn giống nhau về tất cả các yếu tố phụ âm, nguyên âm, phụ âm cuối, thanh điệu thì một bộ phận từ láy đôi trong tiếng Thái còn có hiện tượng biến đổi thanh điệu, nhằm thay đổi sắc thái ý nghĩa của từ láy so với nghĩa của thành tố gốc. Đối với các từ láy có hiện tượng biến đổi thanh điệu thì không nhất thiết phải dùng dấu “๑” đi kèm.

Ví dụ:

1. ลูกสาวเขาเรียนเก่ง ๆ = Con gái anh ta học giỏi

[luk³ sao⁵ khai⁶ rian¹ keng² keng²]

เก่ง ๆ [keng²:keng²] = giỏi

2. ลูกสาวเขาเรียนเก่งเก่ง = Con gái anh ta học rất giỏi

[luk³ sao⁵ khai⁶ rian¹ keng⁴ keng²]

เก่งเก่ง [keng⁴:keng²] = rất giỏi

1.2. Song song với quan điểm nghiên cứu như đã trình bày ở trên, nhiều nhà nghiên cứu cũng đưa ra quan điểm và hướng nghiên cứu sâu hơn về lớp từ láy, đồng thời mở rộng phạm vi về phương thức cấu tạo từ láy trong tiếng Thái. Theo quan điểm và hướng nghiên cứu thứ hai thì từ láy đôi trong tiếng Thái được định nghĩa là lớp từ được cấu tạo bởi hai thành tố gốc có sự tương tự đồng về cách phát âm⁽⁵⁾ và được phân loại thành hai kiểu láy chính đó là:

a. **Từ láy đôi toàn bộ** nghĩa là hai thành tố gốc cấu tạo nên từ láy đôi có cách phát âm hoàn toàn tương tự nhau về tất cả các yếu tố bao gồm: phụ âm đầu, nguyên âm, phụ âm cuối, thanh điệu.

Ví dụ:

ง่าย ๆ [ngaai³: ngaai³] = dễ dàng

ดู ๆ [du²: du²] = ghé góm, nghiêm khắc

ขม ๆ [khom⁵: khom⁵] = đắng đắng

Từ láy đôi toàn bộ theo hướng nghiên cứu thứ hai có cùng chung đặc điểm với hướng nghiên cứu như nhất về cách viết từ láy đôi, đó là sử dụng dấu ๆ để thay thế cho cách viết lặp lại một thành tố gốc của từ láy.

b. **Từ láy đôi bộ phận** nghĩa là hai thành tố gốc cấu tạo nên từ láy đôi chỉ có cách phát âm tương tự nhau ở một hoặc

nhiều yếu tố nhưng không phải tất cả các yếu tố cấu tạo nên thành tố gốc đều giống nhau.

Ví dụ:

กราบกราน [kraap²:kraan¹] = tôn sùng

คั่งค้าง [khang³:khaang⁴] = nợ nần

ทัดทาน [that⁴:thaan¹] = tư vấn, khuyên bảo

Xét về phương thức cấu tạo từ láy đôi bộ phận theo hướng nghiên cứu này có các kiểu phương thức cấu tạo sau⁽⁶⁾:

* Phương thức cấu tạo kiểu 1: Hai thành tố gốc của từ láy đôi tương tự nhau về phụ âm đầu, nguyên âm, phụ âm cuối nhưng khác biệt về thanh điệu.

Ví dụ:

ดีดี [di⁴: di¹] = rất tốt

แพ้งแพ้ง [phaeng⁴: phaeng¹] = quá đắt

นานนาน [naan⁴: naan¹] = quá lâu

* Phương thức cấu tạo kiểu 2: Hai thành tố gốc của từ láy đôi tương tự nhau về phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu nhưng khác biệt về nguyên âm.

Ví dụ:

คึกคัก [khuek⁴: khak⁴] = hối hả, đông

⁽⁵⁾ อรทัย สุทธิ, 2002, คำซ้ำเสียงบางส่วนแบบ 2 พยางค์ หน้า 8.

⁽⁶⁾ พระยาอนุนมานธารน, 2516, นิรุกติศาสตร์, คำซ้ำ หน้า 201. และ จิมมี่จี.แฮริส, 2524, แบบฝึกหัดการวิเคราะห์เสียงในภาษาไทย หน้า 71.

đúc

ทึกหัก [thuek⁴: thak⁴] = ra về, giả bộ

มัวเมา [mua¹: mao¹] = say đắm, say mê

* Phương thức cấu tạo kiểu 3: Hai thành tố gốc của từ láy đôi tương tự nhau về phụ âm đầu, nguyên âm nhưng khác biệt về phụ âm cuối và thanh điệu.

Ví dụ:

ถากถาง [thaak²: thaang⁵] = đả kích

เปิดเปิง [poet²: poeng¹] = hỗn loạn

ฉาดฉาน [chaat¹: chaan⁵] = mạnh mẽ

* Phương thức cấu tạo kiểu 4: Hai thành tố gốc của từ láy đôi tương tự nhau về nguyên âm, phụ âm cuối, thanh điệu có thể giống hoặc không nhưng khác biệt về phụ âm đầu.

Ví dụ:

จองหอง [chong¹: hong⁵] = kiêu căng

เฉยเมย [choei⁵: moei¹] = thờ ơ

เพ้อเจ้อ [phoe⁴: choe³] = nói ngớ ngẩn

Như vậy theo quan điểm nghiên cứu thứ hai được nói đến, từ láy đôi bộ phận trong tiếng Thái được chia ra làm hai nhóm lớn và có phương thức cấu tạo gồm 5 dạng thức khác nhau. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi dựa theo hướng nghiên cứu thứ 2 để so sánh đối chiếu nhằm tìm ra điểm tương đồng và khác biệt về phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa của từ láy đôi giữa tiếng Việt và tiếng Thái.

2. Những điểm tương đồng và khác biệt về phương thức cấu tạo từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái

2.1. Điểm tương đồng và khác biệt về phương thức cấu tạo kiểu láy đôi toàn bộ

a. Trong tiếng Việt, láy đôi toàn bộ là phương thức cấu tạo từ láy mà cả hai thành tố gốc của từ láy có sự tương đồng cả về phụ âm đầu và vần do tác động của phương thức láy, ví dụ:

xanh → xanh xanh

đỏ → đỏ đỏ

vàng → vàng vàng

người → người người

nhà → nhà nhà

Ngoài phần lớn các trường hợp láy đôi toàn bộ được cấu tạo từ hai thành tố gốc tương tự nhau cả về phụ âm đầu và vần thì một bộ phận không nhỏ các từ láy đôi toàn bộ trong tiếng Việt còn có hiện tượng biến đổi thanh điệu và biến đổi vần trong phương thức cấu tạo, ví dụ:

đỏ → đo đỏ

tím → tìm tím

con → còn con

tốt → tôn tốt

ác → ang ác

Hiện tượng biến đổi vần và thanh điệu trong kiểu láy đôi toàn bộ của tiếng Việt được tuân theo những quy luật khá chặt chẽ và có logic⁽⁷⁾. Đây cũng chính là một

⁽⁷⁾ Xem thêm: Nguyễn Tài Cẩn, 1999, *Ngữ pháp Tiếng Việt - Từ láy âm*, tr.117.

nét đặc trưng của từ láy đôi toàn bộ trong tiếng Việt, vì hiện tượng biến thanh và biến vần này chính là yếu tố tác động làm thay đổi ngữ nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt.

b. Trong khi đó, láy đôi toàn bộ trong tiếng Thái là phương thức cấu tạo từ láy mà vỏ ngữ âm của hai thành tố gốc được lặp lại hoàn toàn do tác động của phương thức láy⁽⁸⁾, hay nói cách khác phương thức láy toàn bộ tác động lên tất cả các hình vị của các thành tố gốc trong từ láy bao gồm: phụ âm đầu, nguyên âm, phụ âm cuối và thanh điệu. Nghĩa là hai thành tố gốc của từ láy trong tiếng Thái, dưới tác động của phương thức láy toàn bộ, phải giống nhau cả về phụ âm, vần, thanh điệu mà không có hiện tượng biến thanh hay biến vần như trong tiếng Việt.

Ví dụ:

* เขียว [khiaw⁵] = xanh lá cây

→ เขียว ๆ [khiaw⁵: khiaw⁵] = xanh xanh

* แดง [daeng¹] = đỏ

→ แดง ๆ [daeng¹: daeng¹] = đỏ đỏ

* เหลือง [lueang⁵] = vàng

→ เหลือง ๆ [lueang⁵: lueang⁵] = vàng vàng

* ใคร [khrai¹] = ai

→ ใคร ๆ [khrai¹: khrai¹] = ai ai

* พี่ [phi³] = anh/chị

→ พี่ ๆ [phi³: phi³] = anh chị

Như vậy, khi xét về phương thức cấu tạo theo kiểu láy đôi toàn bộ, thì từ láy đôi toàn bộ trong tiếng Việt có phương thức cấu tạo phong phú hơn so với phương thức cấu tạo từ láy đôi toàn bộ trong tiếng Thái, hay nói cách khác tiếng Việt có khả năng sản sinh từ láy đôi theo phương thức láy toàn bộ nhiều hơn so với tiếng Thái do có sự biến đổi thanh điệu và biến vần.

Bên cạnh đó, khi xét đến hình thức thể hiện cấu tạo từ láy dưới dạng văn bản của từ láy đôi toàn bộ trong tiếng Việt và tiếng Thái, ta sẽ thấy, từ láy đôi trong tiếng Thái có hình thức thể hiện dưới dạng văn bản rút gọn hơn so với tiếng Việt. Nếu như trong tiếng Việt, khi muốn thể hiện dưới dạng văn bản một từ láy đôi toàn bộ thì bắt buộc phải viết lặp lại một lần thành tố gốc cấu tạo nên nó, ví dụ: đen đen, vui vui, đỡ đỡ,... nhưng trong tiếng Thái thì dấu “**๕**” lại được sử dụng để thay thế cho cách viết lặp lại thành tố gốc của từ láy đôi dưới dạng văn bản. Có lẽ, đây là điểm khác biệt đặc trưng về hình thức thể hiện phương thức cấu tạo từ láy đôi toàn bộ trong tiếng Thái.

2.2. Điểm tương đồng về phương thức cấu tạo kiểu láy đôi bộ phận

Đối lập với từ láy đôi toàn bộ, từ láy đôi bộ phận trong tiếng Việt và tiếng Thái là phương thức cấu tạo mà hai thành tố gốc của từ láy chỉ có sự tương đồng ở một hoặc hơn một bộ phận nào đó, có thể là phụ âm đầu, nguyên âm, phụ âm cuối hay

⁽⁸⁾ อรรถย สุธธิ, 2002, คำซ้ำเสียงบางส่วนแบบ 2 พยางค์.

thanh điệu.

a. Trong tiếng Việt, từ láy đôi bộ phận được phân loại thành hai kiểu láy chính, kiểu thứ nhất là láy âm, đây là phương thức cấu tạo mà hai thành tố gốc của từ láy chỉ tương tự nhau về phụ âm đầu còn khác nhau ở vần. Kiểu thứ hai là láy vần, nghĩa là hai thành tố gốc của từ láy chỉ tương tự nhau về vần và khác nhau ở bộ phận phụ âm đầu.

Ví dụ:

* Láy âm: **rung rinh**

dựa dẫm

bàn bạc

chín chắn

lạnh lùng

* Láy vần: **lênh đênh**

bối rối

co ro

chơi vơi

loanh quanh

Có thể thấy, mặc dù trên thực tế một tiếng trong tiếng Việt có thể chia ra thành 5 yếu tố: phụ âm đầu, âm đầu vần, âm giữa vần, âm cuối vần và thanh điệu⁽⁹⁾, tuy nhiên khi xét đến phương thức cấu tạo để phân loại từ láy đôi trong tiếng Việt, điển hình là từ láy đôi bộ phận thì không phải toàn bộ 5 yếu tố này đều được đem ra xem xét làm yếu tố phân loại cấu tạo, mà chỉ tập trung vào 2 yếu tố chính đó là *phụ âm đầu* và *vần*.

b. Khác biệt với tiếng Việt, trong tiếng

Thái, như các kiểu phương thức cấu tạo từ láy đôi bộ phận đã được liệt kê trong mục b, phần 1.2. thì phương thức cấu tạo từ láy đôi bộ phận được phân loại thành nhiều kiểu nhỏ hơn, mà trong đó từng yếu tố của hai thành tố gốc của từ láy đều được đem ra xem xét làm yếu tố phân loại cấu tạo. Điểm này có thể thấy rất rõ ở các phương thức cấu tạo theo các kiểu 2, 3 và 4. Một từ láy đôi bộ phận trong tiếng Thái chỉ có thể coi là từ láy khi hai thành tố gốc có sự tương đồng trong ít nhất hai hình vị (bộ phận) cấu thành nên nó, hoặc là phụ âm đầu và phụ âm cuối, hoặc là phụ âm đầu và nguyên âm hay nguyên âm và phụ âm cuối. Cần phải nói rằng một tiếng trong tiếng Thái được cấu thành bởi ít nhất 2 bộ phận và nhiều nhất 4 bộ phận: Phụ âm đầu, nguyên âm, phụ âm cuối và thanh điệu⁽¹⁰⁾. Trong khi phương thức cấu tạo từ láy đôi bộ phận trong tiếng Việt chủ yếu chỉ phân loại xét theo hai yếu tố chính đó là phụ âm đầu và vần.

3. Những điểm tương đồng và khác biệt về ngữ nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái

3.1. Điểm tương đồng lớn nhất về ngữ nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái chính là tính phái sinh làm thay đổi nghĩa của từ láy so với từ gốc do tác động của phương thức láy, nói cách khác từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái đều mang nét nghĩa mới so với nghĩa của từ gốc. Trong tiếng Việt, phương thức láy có hai tác dụng ngữ nghĩa điển hình chủ yếu đó là sắc thái hóa và phi cá thể hóa do sự lặp lại một số lần có biến đổi về nghĩa

⁽⁹⁾ Nguyễn Tài Căn, 1999, *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ láy âm*, tr.114

⁽¹⁰⁾ บรรทัดฐานภาษาไทยเล่ม ๒. คำ- การสร้างคำและการยืมคำ

của từ gốc (thành tố gốc) cấu thành nên nó⁽¹¹⁾, phương thức lấy trong tiếng Thái cũng có tác dụng ngữ nghĩa như vậy.

a. Nghĩa của từ lấy được tạo ra do tác dụng sắc thái hóa của phương thức lấy, ví dụ:

* Nghĩa của từ lấy mang sắc thái theo hướng giảm nhẹ cường độ so với nghĩa của từ gốc:

⁽¹¹⁾ Xem thêm: Đỗ Hữu Châu, 1999, *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt - Từ lấy*, tr.195.

Tiếng Việt	Tiếng Thái
1. đỏ → đỏ đỏ 2. tím → tím tím 3. bé → be bé 4. đẹp → đềm đẹp 5. tiếc → tiếng tiếc 6. đói → đói đói 7. dễ → dễ dễ 8. nhức → nhưng nhức	1. เล็ก [laek ⁴] = bé → เล็ก ๆ [laek ⁴ : laek ⁴] = be bé 2. สวย [suai ⁵] = xinh → สวย ๆ [suai ⁵ : suai ⁵] = xinh xinh 3. บ้าง [baang ¹] = mong → บ้าง ๆ [baang ¹ : baang ¹] = mong mong 4. หิว [hiw ⁵] = đói → หิว ๆ [hiw ⁵ : hui ⁵] = đói đói

* Nghĩa của từ láy mang sắc thái theo hướng tăng mạnh cường độ so với nghĩa của từ gốc:

Tiếng Việt	Tiếng Thái
1. dừng → dừng dừng 2. con → cón con 3. sát → sát sát 4. khít → khít khít 5. cũ → cũ kỹ 6. khuya → khuya khoắt 7. tối → tối tăm 8. tí → tí ti	1. ดำ [dam ¹] = đen → ดำดำ [dam ⁴ : dam ¹] = rất đen 2. ขาว [khaw ⁵] = trắng → คำนขาว [khaw ⁴ : khaw ⁵] = rất trắng 3. ปอย [boi ²] = thường xuyên → ปอยปอย [boi ⁴ : boi ²] (rất thường xuyên)

b. Nghĩa của từ láy được tạo ra do tác dụng phi cá thể hóa của phương thức láy. Tác dụng phi cá thể hóa của phương thức láy là tác dụng làm biến đổi từ nghĩa khái niệm cá thể của từ gốc thành nghĩa khái

niệm một số của từ láy, chuyển từ nghĩa số ít thành nghĩa số nhiều. Tác dụng phi cá thể hóa của phương thức láy chủ yếu xảy ra đối với các từ láy có từ gốc (thành tố gốc) là danh từ, ví dụ:

Tiếng Việt	Tiếng Thái
1. bạn → bạn bè 2. ngày → ngày ngày 3. chim → chim chóc 4. tầng → tầng tầng 5. lớp → lớp lớp 6. máu → máu me 7. hội → hội hè 8. tiệc → tiệc tùng	1. เพื่อน [phuean ³] = bạn → เพื่อนๆ [phuean ³ : phuean ³] = bạn bè 2. น้อง [nong ⁴] = em (chỉ một người) → น้องๆ [nong ⁴ : nong ⁴] = các em 3. เซ้า [chaao ⁴] = sáng → เซ้าๆ [chaao ⁴ : chaao ⁴] = sáng sáng 4. วัน [wan ¹] = ngày → วันๆ [wan ¹ : wan ¹] = ngày ngày

c. Ngoài tính phái sinh về nghĩa do tác dụng sắc thái hóa và phi cá thể hóa của phương thức láy, tính phái sinh về nghĩa của từ láy trong tiếng Thái và tiếng Việt còn có điểm tương đồng nữa đó là nghĩa của từ láy được phát triển dựa theo nghĩa cơ sở nghĩa của từ gốc (thành tố gốc) cấu thành nên từ láy, ta có thể thấy rõ điểm tương đồng này thông qua một số ví dụ:

*** Tiếng Việt:**

(1) Từ gốc: **đứng** - Từ láy: **đứng đắn**

Nghĩa từ gốc: là trạng thái cơ thể ở tư thế thân thẳng, chỉ có chân đặt trên mặt nền, chống đỡ toàn thân; phân biệt với nằm hoặc ngồi.

Nghĩa từ láy: hành vi, thái độ hợp với lễ phải, tư cách đứng đắn, nghiêm chỉnh, đúng mực trong quan hệ nam nữ.

Ví dụ: anh ấy là người **đứng đắn**.

(2) Từ gốc: **hớ** - Từ láy: **hớ hênh**

Nghĩa từ gốc: sơ suất, bị lỗi để lộ chỗ yếu của mình (thường là trong nói năng).

Nghĩa từ láy: ăn mặc không kín đáo, không phù hợp, hở hang không phải phép.

Ví dụ: Cô ta ăn mặc rất **hớ hênh**.

(3) Từ gốc: **bôi** - Từ láy: **bôi bác**

Nghĩa từ gốc: làm cho một chất nào đó dính thành lớp mỏng trên bề mặt.

Nghĩa từ láy: làm dối, làm qua loa cho xong việc.

Ví dụ: Công ty đó làm ăn rất **bôi bác**.

(4) Từ gốc: **cay** - Từ láy: **cay cú**

Nghĩa từ gốc: cảm giác tê xót, nóng, khó chịu do bị kích thích (có thể do ốt, gừng hoặc các gia vị khác ...).

Nghĩa từ láy: tức tối vì bị mất mát, thua thiệt và nôn nóng muốn gỡ lại cho kì được.

Ví dụ: Anh ta vẫn còn rất **cay cú** vì bị mất việc.

(5) Từ gốc: **mơ** - Từ láy: **lơ mơ**

Nghĩa từ gốc: Một trạng thái trong khi ngủ.

Nghĩa từ láy: Hiểu, biết, nhận thức một cách không rõ ràng về một vấn đề nào đó.

Ví dụ: Lan bắt đầu **lơ mơ** hiểu chuyện gì đang xảy ra.

*** Tiếng Thái**

(1) Từ gốc: **กล้วย** [kluai³]

Từ láy: **กล้วยๆ** [kluai³: klui³]

Nghĩa từ gốc: chuối, đặc điểm là loại quả có cách ăn dễ hơn các loại quả khác, không cần gọt vỏ mà chỉ cần bóc vỏ ăn là xong.

Nghĩa từ láy: việc dễ dàng có thể làm một cách đơn giản.

Ví dụ: **เรื่องกล้วยๆ** **แต่นี้ใครก็ทำได้** (Việc dễ dàng thế này, ai cũng làm được).

(2) Từ gốc: **หมู** [mu⁵]

Từ láy: **หมูๆ** [mu⁵: mu⁵]

Nghĩa từ gốc: lợn/heo, tên một loại động vật dễ nuôi, dễ ăn, dễ ngủ.

Nghĩa từ láy: việc dễ dàng, có thể làm một cách đơn giản.

Ví dụ: **เรื่องหมูๆ** **แต่นี้ก็ทำไม่ได้** (việc dễ ợt như thế này mà làm cũng không xong).

Trong tiếng Thái có câu thành ngữ **“ง่ายเหมือนปอกกล้วยเข้าปาก”** nghĩa là “dễ như bóc chuối bỏ vào miệng” ý nói việc làm rất đơn giản dễ dàng, hay **“หมูในอวย”** nghĩa là “lợn trong nồi” ý nói cái gì chắc chắn là của mình thì không

khó gì mà có được. Có lẽ đây chính là nguồn gốc xuất phát của các từ láy **กล้วยๆ หมูๆ** mà người Thái sử dụng khi chỉ những công việc đơn giản dễ làm.

(3) Từ gốc: **ลาก** [luak⁴]

Từ láy: **ลากๆ** [luak⁴: luak⁴]

Nghĩa từ gốc: chân, hành động nhúng qua nước sôi cho chín tái (thức ăn) hoặc cho sạch (vật dụng).

Nghĩa từ láy: làm việc một cách qua loa, bất cẩn, không cẩn thận.

Ví dụ: **เธอชอบทำอะไรลากๆ** (việc gì cô ta cũng thích làm qua loa cho xong).

(4) Từ gốc: **พื้น** [phuen⁴]

Từ láy: **พื้นๆ** [phuen⁴: phuen⁴]

Nghĩa từ gốc: sàn, mặt nền có vị trí thấp so với các thành phần cấu tạo khác của ngôi nhà hoặc các đồ vật trong nhà.

Nghĩa từ láy: bình thường, không có gì đặc biệt.

Ví dụ: **ของพื้นๆ** **อย่างนี้เธอไม่สนใจหรอก** (Đồ bình thường thế này, cô ấy không quan tâm đâu).

3.2. Mặc dù tính phái sinh về nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt rất tương đồng với từ láy đôi trong tiếng Thái như đã nói ở trên, tuy nhiên giữa chúng vẫn có điểm khác biệt đặc trưng đó chính là: nghĩa của từ láy do tác dụng sắc thái hóa hay phi cá thể hóa của phương thức láy trong tiếng Việt có thể xảy ra ở tất cả các kiểu láy bao gồm láy toàn bộ, láy bộ phận (láy âm, láy vần), nhưng trong tiếng Thái thì không như vậy. Phương thức láy chỉ có có tác

dụng sắc thái hóa, phi cá thể hóa nghĩa lấy toàn bộ mà thôi, ví dụ:
của từ láy đôi trong tiếng Thái theo cơ chế

Từ gốc	Nghĩa từ gốc	Từ láy	Phương thức lấy		Nghĩa từ láy
			Lấy toàn bộ	Lấy bộ phận	
ยิ้ม	cười	ยิ้ม ๆ	✓		cười cười (sắc thái nghĩa theo hướng giảm cường độ so với nghĩa gốc)
		ยิ้มแย้ม		✓	tươi cười (chỉ người có khuôn mặt tươi tắn, phong thái vui vẻ)
เร็ว	nhanh	เร็ว ๆ	✓		nhanh nhanh (sắc thái nghĩa theo hướng tăng mạnh cường độ so với nghĩa gốc)
		รวดเร็ว		✓	nhanh chóng (chỉ trạng thái làm việc một cách nhanh gọn, không tốn nhiều thời gian)
รอบ	vòng	รอบ ๆ	✓		vòng vòng (chỉ mức độ tăng dần về số lượng, phi cá thể hóa khái niệm cá thể vòng thành khái niệm một số vòng, nhiều vòng)
		รอบคอบ		✓	thận trọng (chỉ thái độ làm việc hoặc tính cách của người cẩn thận, kỹ lưỡng, xem đi xét lại trước khi quyết định thực hiện)

3. Kết luận

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi đã trình bày những điểm tương đồng và khác biệt cơ bản về phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Thái. Kết quả đối chiếu cho thấy, nhìn chung từ láy đôi trong tiếng Việt có nhiều nét tương đồng với từ láy trong tiếng Thái hơn là sự khác biệt cả về phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa. Có thể nói đây là hệ quả của việc cả tiếng Việt và

tiếng Thái đều là những ngôn ngữ đơn lập nên cách thức cấu tạo từ và cách xây dựng từ rất giống nhau. Hơn nữa, khi xét về ngữ nghĩa của từ láy đôi, có thể thấy cách tạo nghĩa phái sinh của từ láy trong tiếng Việt cũng có điểm tương đồng rất đặc trưng so với tiếng Thái, như cách thêm, bớt sắc thái nghĩa của từ, cách khái quát hóa nghĩa của từ hay cách tạo nghĩa mới cho từ dựa theo đặc điểm nghĩa cơ sở của từ gốc. Phải chăng nguyên nhân dẫn đến điểm tương

đồng này là do Việt Nam và Thái Lan là hai quốc gia cùng chung khu vực địa lý, có nhiều đặc điểm chung về văn hóa, xã hội nên cách suy nghĩ và lối tư duy trong hoạt động giao tiếp cũng giống nhau dẫn đến cách phát triển nghĩa và tạo nghĩa của từ láy cũng được triển khai theo một hướng tương tự nhau. Chúng tôi hy vọng rằng bài viết này có thể giúp ích phần nào cho việc giảng dạy tiếng Việt cho người Thái hay tiếng Thái cho người Việt và đặc biệt cho những sinh viên đang theo học hai ngôn ngữ trên có được kiến thức nền tảng về lớp từ láy đôi, phục vụ cho việc dịch từ láy nói riêng và dịch nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Tài Cẩn, 1999, *Ngữ pháp tiếng việt: tiếng - từ ghép - đoán ngữ*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu, 1999. *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Wassana Namphonng, 2009. *So sánh đối chiếu ngữ pháp tiếng Thái Lan và tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Đỗ Thị Bích Lài, 2009. Những tương đồng và khác biệt của từ láy trong tiếng Việt và tiếng Hàn, *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, số 06 (164)-2009.

Tiếng Thái

5. บรรทัดฐานภาษาไทยเล่ม๒ - คำ การสร้างคำและการยืมคำ, 2006,

สำนักงานคณะกรรมการการศึกษา
ขั้นพื้นฐาน กระทรวงศึกษาธิการ.
(Văn phòng ủy ban giáo dục cơ sở, Bộ giáo
dục, 2006, Quy chuẩn tiếng Thái Lan quyển 2
- từ, cấu tạo từ và cách vay mượn từ)

6. สุธิวงษ์ พงศ์ไพบูลย์, 1999,
หลักภาษาไทย,บริษัทโรงพิมพ์ไทยว
ฒนาพานิชจำกัด. (Suthiwong
Pongpaiboon, 1999, *Ngữ pháp tiếng Thái*,
Nxb. Thai Wattana Panich)

7. ผศ. จินดา เสงสมบูรณ์, 1998,
ภาษาศาสตร์เบื้องต้น,
สำนักพิมพ์สุวิริยาสาน, กรุงเทพ ฯ.
(Jinda Hengsomboon, 1998, *Ngôn ngữ học cơ
sở*, Nxb. Suwiriya San)

8. Nguyễn Thị Kim Châu, 2003,
การวิเคราะห์เปรียบเทียบการสร้างคำ
ในภาษาเวียดนามและภาษาไทย,
ปริญญานิพนธ์,
มหาวิทยาลัยศรีนครินทรวิโรฒ
(Nguyễn Thị Kim Châu, 2003, *Phân tích đối
chiếu về cấu tạo từ trong tiếng Việt và tiếng
Thái*, luận văn thạc sĩ, Đại học
Srinakharinwirot)

9. อรทัย สุทธิ, 2002,
คำซ้ำเสียงบางส่วนแบบ ๒ พยาง,
วิทยานิพนธ์, มหาวิทยาลัยนเรศวร.
(Orathai sutthi, 2002, *Từ láy đôi bộ phận, luận
văn tốt nghiệp*, Đại học Naresuan)

(Toà soạn nhận bài viết ngày 10/5/2017, duyệt đăng ngày 30/6/2017)